

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG
CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 158/QĐ-LĐBD-BKS

Vũng Tàu, ngày 28 tháng 04 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần
Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC

BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa
Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, Nghị định số
155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ và Thông tư số 116/2020/TT-BTC
ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng
Công trình Dầu khí Biển PTSC;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-LĐBD-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2021 của Đại hội
đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình
Dầu khí Biển PTSC.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “**Quy chế hoạt động của Ban Kiểm
soát Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí
Biển PTSC**”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, các tổ chức, cá nhân
có liên quan của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công
trình Dầu khí Biển PTSC chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Đảng ủy, CD, ĐTN;
- Lưu VT, Ban Kiểm soát, MH (03).



MỤC LỤC

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	2
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	2
Điều 2. Giải thích từ ngữ.....	2
Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát	3
CHƯƠNG II: KIỂM SOÁT VIÊN	3
Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Kiểm soát viên.....	3
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng Kiểm soát viên.....	4
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Kiểm soát viên	4
Điều 7. Trưởng Ban Kiểm soát.....	4
Điều 8. Nhiệm vụ của Trưởng Ban Kiểm soát.....	5
Điều 9. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên.....	5
Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.....	6
Điều 11. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	6
Điều 12. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	6
Chương III: BAN KIỂM SOÁT	7
Điều 13. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát	7
Điều 14. Các quyền khác của Ban Kiểm soát.....	9
Chương IV: CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT	10
Điều 15. Các cuộc họp của Ban Kiểm soát	10
CHƯƠNG V: MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT	10
Điều 16. Mối quan hệ giữa các Kiểm soát viên	10
Điều 17. Mối quan hệ với ban điều hành.....	10
Điều 18. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị.....	11
Điều 19. Mối quan hệ với cơ quan quản lý Nhà nước	11
CHƯƠNG VI: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	11
Điều 20. Điều khoản thi hành	11

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG
CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 06/NQ-LĐBD-DHĐCĐ ngày 27 tháng 04 năm 2021.

Căn cứ Quy chế Quản trị nội bộ Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC;

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình Dầu khí biển PTSC (sau đây gọi tắt là “Quy chế”) quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các Kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Ban kiểm soát và các Kiểm soát viên đối với mọi hoạt động thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát trong Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình Dầu khí biển PTSC.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ được giải thích như sau:

Luật Doanh nghiệp : Là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021.

- Đại hội đồng cổ đông** : Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình Dầu khí biển PTSC bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết.
- Điều lệ công ty** : Điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và bảo dưỡng công trình Dầu khí biển PTSC được ban hành theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Ban Điều hành** : Bao gồm Giám đốc, các Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty.
- Cổ đông lớn** : Là cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% trở lên tổng số cổ phần phổ thông của công ty.
- Ban Kiểm soát** : Là Ban Kiểm soát công ty, cơ quan chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc quản lý và điều hành công ty, gồm các Kiểm soát viên được bầu bởi Đại hội đồng cổ đông.
- Kiểm soát viên** : Là những người có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, được Đại hội đồng cổ đông bầu vào Ban Kiểm soát.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, các quy định của pháp luật liên quan, Điều lệ công ty và các quy định tại Quy chế này.
2. Các Kiểm soát viên chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát

CHƯƠNG II: KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Kiểm soát viên

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Thực hiện chương trình kế hoạch kiểm tra, giám sát hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Kiểm soát viên có trách nhiệm báo cáo tình hình, kết quả kiểm tra, giám sát trong lĩnh vực được phân công cho Trưởng Ban Kiểm soát; tham mưu cho Trưởng Ban Kiểm soát và chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban Kiểm soát về việc kiểm tra, giám sát lĩnh vực được phân công

7. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

8. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng Kiểm soát viên

1. Ban kiểm soát có ba (03) thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Kiểm soát viên

Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

Điều 7. Trưởng Ban Kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty và quy chế này quy định.

Điều 8. Nhiệm vụ của Trưởng Ban Kiểm soát

1. Điều phối công việc chung của Ban Kiểm soát.
2. Tổ chức xây dựng, sửa đổi, bổ sung, ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
3. Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản, báo cáo, tài liệu, hồ sơ liên quan đến nhiệm vụ chung của Ban Kiểm soát.
4. Tổ chức thực hiện chương trình kế hoạch kiểm tra, giám sát theo định kỳ hàng quý, hàng năm sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
5. Chịu trách nhiệm đôn đốc các Kiểm soát viên triển khai thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát; phân công nhiệm vụ cho từng Kiểm soát viên; triệu tập và chủ trì các cuộc họp Ban Kiểm soát.
6. Ủy quyền cho Kiểm soát viên đảm nhiệm công việc của Trưởng Ban Kiểm soát trong thời gian vắng mặt.
7. Thay mặt Ban Kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan đến Báo cáo của Ban Kiểm soát.
8. Thay mặt Ban kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị tổ chức phiên họp bất thường để xử lý những trường hợp vi phạm quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
9. Thay mặt Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty.
10. Điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
11. Chịu trách nhiệm về những nội dung nêu trong báo cáo định kỳ hoặc đột xuất của Ban Kiểm soát được gửi đến Đại hội đồng cổ đông.
12. Các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 9. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ

ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 11. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm Kiểm soát viên. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác;
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III: BAN KIỂM SOÁT

Điều 13. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người quản lý khác trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông lớn, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
9. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
10. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
11. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi xét thấy cần thiết.
12. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
13. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
14. Xây dựng, sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát phù hợp với Luật doanh nghiệp, Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật liên quan và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua để triển khai, thực hiện.
15. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty. Việc quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty và việc bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết áp dụng theo quy định tại Điều lệ công ty.
16. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
17. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật, việc chấp hành Điều lệ, Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
18. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và cổ đông.
19. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

20. Chúng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

21. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

22. Lập và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát và báo cáo các nội dung khác theo các quy định của pháp luật.

23. Công khai các lợi ích liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

Điều 14. Các quyền khác của Ban Kiểm soát

1. Được Hội đồng quản trị và Giám đốc cung cấp thông tin một cách đầy đủ, kịp thời theo quy định tại Điều 171 Luật Doanh nghiệp.

2. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên công ty trong giờ làm việc.

3. Trong trường hợp cần thiết, Trưởng Ban Kiểm soát đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc quyết định việc huy động các chuyên viên, cán bộ quản lý trong công ty thực hiện chương trình kiểm tra, giám sát.

4. Được đảm bảo công cụ, phương tiện cần thiết cho công tác kiểm tra giám sát, được quyền yêu cầu các đơn vị/bộ phận của công ty cung cấp số liệu, tài liệu, thông tin và giải trình các hoạt động theo yêu cầu của Ban Kiểm soát và có trách nhiệm bảo mật các số liệu tài liệu, thông tin được cung cấp.

5. Ban Kiểm soát được cung cấp các tài liệu liên quan như đối với thành viên Hội đồng quản trị tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền phát biểu ý kiến, kiến nghị, nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu Ban Kiểm soát có ý kiến khác với những quyết nghị của Hội đồng quản trị, được quyền bảo lưu ý kiến của mình vào biên bản cuộc họp và được trực tiếp báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.

6. Yêu cầu Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị họp bất thường để giải quyết những vấn đề cấp bách của công ty theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty.

7. Tham dự các cuộc họp, hội nghị sơ kết, tổng kết của công ty.

8. Tham gia các lớp đào tạo nghiệp vụ, nâng cao kiến thức nghề nghiệp theo đề nghị của Ban Kiểm soát.

9. Ban Kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập với chi phí hợp lý theo ngân sách hoạt động hàng năm đã được phê duyệt để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

10. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của

công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan.

11. Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Chương IV: CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 15. Các cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên.

2. Biểu quyết:

a) Mỗi Kiểm soát viên tham dự cuộc họp Ban kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp. Nếu Kiểm soát viên không thể tham gia cuộc họp thì có thể ủy quyền bằng văn bản biểu quyết cho một thành viên khác (là đối tượng tham gia biểu quyết theo quy định tại điều này) thực hiện biểu quyết.

b) Biểu quyết đa số: Quyết định của Ban Kiểm soát được thông qua nếu được hai phần ba (2/3) số thành viên có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu bằng nhau thì quyết định cuối cùng là ý kiến của Trưởng Ban Kiểm soát hoặc Kiểm soát viên được Trưởng Ban Kiểm soát ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát vắng mặt).

c) Việc lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định có giá trị tương đương với việc biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.

3. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

4. Cuộc họp Ban Kiểm soát phải được lập thành biên bản. Biên bản họp Ban kiểm soát phải được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.

CHƯƠNG V: MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 16. Mối quan hệ giữa các Kiểm soát viên

Các Kiểm soát viên có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các Kiểm soát viên.

Điều 17. Mối quan hệ với ban điều hành

1. Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

2. Các báo cáo, thông báo mời họp, văn bản khác mà Giám đốc gửi tới Hội đồng quản trị phải đồng thời gửi cho Ban Kiểm soát

3. Giám đốc có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu và các phương tiện phục vụ công tác kiểm tra, kiểm soát theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.

Điều 18. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

1. Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị chịu sự giám sát của Ban Kiểm soát đối với việc thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong các phiên họp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thư ký Hội đồng quản trị, Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho Ban Kiểm soát vào cùng thời điểm được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

3. Ban Kiểm soát thông báo cho Hội đồng quản trị kết quả kiểm tra, giám sát nội bộ định kỳ hàng quý hoặc đột xuất.

Điều 19. Mối quan hệ với cơ quan quản lý Nhà nước

Ban kiểm soát tổ chức và thực hiện chế độ thông tin, báo cáo các nội dung liên quan đến công việc kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG VI: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này bao gồm 6 chương, 20 điều, do Trưởng Ban Kiểm soát thay mặt Ban Kiểm soát ban hành theo chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 06/NQ-LĐBD-ĐHĐCĐ. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị, Giám đốc có trách nhiệm thực hiện.

2. Trong trường hợp có sự không thống nhất giữa Quy chế này với Điều lệ công ty về cùng một vấn đề thì các quy định của Điều lệ công ty sẽ được ưu tiên áp dụng.

3. Các nội dung khác không được quy định trong Quy chế này thì áp dụng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông công ty.